

Số: 57/TB-CĐPTTHII

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 6 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc hoàn trả chênh lệch học phí học kỳ 1 năm học 2022 - 2023

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 của Chính phủ về học phí đối với cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2022-2023;

Căn cứ Công văn số 694/BGDĐT-KHTC ngày 23/02/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 165/NQ-CP;

Căn cứ Quyết định số 104/QĐ-PTTHII ngày 05/7/2022 của Trường Cao đẳng Phát thanh - Truyền hình II về việc quy định mức thu học phí đào tạo trình độ cao đẳng hệ chính quy năm học 2022 - 2023; Quyết định số 20/QĐ-CĐPTTHII ngày 13/02/2023 về việc điều chỉnh mức thu học phí đào tạo trình độ cao đẳng hệ chính quy năm học 2022 - 2023;

Trường Cao đẳng Phát thanh - Truyền hình II sẽ thực hiện hoàn trả khoản chênh lệch học phí học kỳ 1, năm học 2022 - 2023 giữa mức thu theo Quyết định số 104/QĐ-PTTHII ngày 05/7/2022 và mức thu theo Quyết định số 20/QĐ-CĐPTTHII ngày 13/02/2023 cho sinh viên các khóa cao đẳng chính quy, cụ thể như sau:

1. Đối với sinh viên Khóa 2021 và sinh viên các khóa trước Khóa 2021: số tiền chênh lệch học phí học kỳ 1, năm học 2022 - 2023 sẽ thực hiện hoàn trả từ ngày 22/6/2023 đến 27/6/2023 qua tài khoản cá nhân của sinh viên (danh sách đính kèm).

2. Đối với sinh viên Khóa 2022: khoản chênh lệch học phí học kỳ 1 năm học 2022 - 2023 sẽ khấu trừ vào học phí học kỳ 1 năm học 2023 - 2024 của sinh viên.

Trường hợp sinh viên không đăng ký môn học tại học kỳ 1, năm học 2023 - 2024 hoặc không tiếp tục học tập tại Trường Cao đẳng Phát thanh - Truyền hình II thì việc hoàn khoản chênh lệch học phí sẽ xem xét theo từng trường hợp cụ thể.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để b/c);
- Các đơn vị trực thuộc Trường;
- Sinh viên Trường;
- Cổng thông tin điện tử Trường;
- Lưu VT, HC-TH.

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG HC-TH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Hồ Nam Phương



TRƯỜNG CAO ĐẲNG
PHÁT THANH - TRUYỀN HÌNH II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
SINH VIÊN KHÓA 2021 VÀ CÁC KHÓA TRƯỚC KHÓA 21 NHẬN LẠI
TIỀN CHÈNH LỆCH HỌC PHÍ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm theo Thông báo số 57/TB-CDPTTHII ngày 14 tháng 6 năm 2023
của Trường Cao đẳng Phát thanh - Truyền hình II)

Stt	Họ và tên	MSSV	Lớp	Số tiền chênh lệch
1	Phan Ngọc Tuấn Anh	1710020603	17CĐKT	136,000
2	Đỗ Thị Phương Uyên	1810010342	18CĐBC3	218,000
3	Nguyễn Tấn Đạt	1810050009	18CĐĐH	195,000
4	Võ Thị Yến Ngọc	1910010067	19CĐBC2	1,308,000
5	Nguyễn Gia Thịnh	1910010128	19CĐBC3	654,000
6	Nguyễn Tiến Trung	1910020017	19CĐKT	204,000
7	Phan Tấn Đạt	1910040003	19CĐQP	195,000
8	Trần Tiến Thành	1910040021	19CĐQP	585,000
9	Hoàng Trần Yến Ny	1910050016	19CĐĐH	260,000
10	Hà Thanh Tuấn	1910060069	19CĐTT	222,000
11	Nguyễn Hoàng Xuân Vi	1910060072	19CĐTT	222,000
12	Nguyễn Trần Yên Bình	1910070005	19CĐPR	999,000
13	Nguyễn Trương Yên Linh	1910070019	19CĐPR	888,000
14	Nguyễn Ngô Ngọc Quyên	1910070034	19CĐPR	555,000
15	Từ Thục Uyên	1910070056	19CĐPR	333,000
16	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	1910070060	19CĐPR	222,000
17	Bùi Thị Bích	2010010003	20CĐBC1	654,000
18	Văn Ngọc Hồng	2010010008	20CĐBC	436,000
19	Đoàn Thị Yên My	2010010018	20CĐBC1	654,000
20	Đoàn Dạ Mỹ	2010010019	20CĐBC1	1,090,000
21	Đào Thanh Việt Phương	2010010026	20CĐBC	1,199,000
22	Lý Ngọc Quốc	2010010027	20CĐBC	654,000
23	Bùi Công Tòng	2010010035	20CĐBC1	654,000
24	Ngô Thị Quỳnh Trang	2010010036	20CĐBC1	763,000
25	Giang Cẩm Vy	2010010042	20CĐBC	218,000
26	Huỳnh Trần Thảo Vy	2010010043	20CĐBC1	654,000
27	Nguyễn Thị Yến	2010010045	20CĐBC1	981,000
28	Kiều Thị Mỹ Diệp	2010010050	20CĐBC2	218,000
29	Phan Ngọc Giàu	2010010053	20CĐBC2	1,526,000
30	Lê Thị Thủy	2010010097	20CĐBC2	218,000

Stt	Họ và tên	MSSV	Lớp	Số tiền chênh lệch
31	Tô Ngọc Hữu Bằng	2010010099	20CĐBC1	218,000
32	H Gi Byă	2010010100	20CĐBC1	1,625,000
33	Trần Võ Quỳnh Dao	2010010101	20CĐBC	654,000
34	Võ Nguyễn Việt Đức	2010010102	20CĐBC1	436,000
35	Lâm Hoài Phương	2010010107	20CĐBC1	654,000
36	Trần Thị Thu Trang	2010010109	20CĐBC	872,000
37	Lê Thanh Thảo	2010010111	20CĐBC1	1,962,000
38	Nguyễn Anh Quân	2010010112	20CĐBC	763,000
39	Mai Quang Chiêu	2010010113	20CĐBC2	436,000
40	Nguyễn Huy Phương	2010020010	20CĐKT	136,000
41	Đỗ Trường An	2010040001	20CĐQP	325,000
42	Lê Quốc Anh	2010040003	20CĐQP	455,000
43	Lâm Vũ Cầu	2010040004	20CĐQP	1,235,000
44	Nguyễn Duy Đông	2010040006	20CĐQP	1,040,000
45	Trương Thành Đông	2010040007	20CĐQP	1,235,000
46	Bùi Nguyễn Trung Hiếu	2010040009	20CĐQP	195,000
47	Huỳnh Trung Hiếu	2010040010	20CĐQP	455,000
48	Trương Minh Hoàng	2010040012	20CĐQP	325,000
49	Trần Minh Hội	2010040013	20CĐQP	325,000
50	Lâm Trần Hoàng Huy	2010040016	20CĐQP	325,000
51	Lê Trọng Huy	2010040017	20CĐQP	130,000
52	Lữ Tuấn Kiệt	2010040019	20CĐQP	585,000
53	Phạm Đông Quang	2010040024	20CĐQP	3,035,000
54	Nguyễn Hồng Sơn	2010040026	20CĐQP	715,000
55	Nguyễn Ngọc Sơn	2010040027	20CĐQP	965,000
56	Lê Quang Trung	2010040029	20CĐQP	585,000
57	Nguyễn Phong Vinh	2010040031	20CĐQP	130,000
58	Dương Minh Châu	2010050002	20CĐĐH	390,000
59	Trần Thanh Đạt	2010050004	20CĐĐH	260,000
60	Lê Khả Duy	2010050006	20CĐĐH	260,000
61	Nguyễn Đăng Khoa	2010050008	20CĐĐH	130,000
62	Nguyễn Xuân Lâm	2010050009	20CĐĐH	845,000
63	Nguyễn Cao Thùy Linh	2010050010	20CĐĐH	520,000
64	Nguyễn Hoàng Tiểu Nghi	2010050013	20CĐĐH	390,000
65	Quách Thanh Nhân	2010050014	20CĐĐH	390,000
66	Lê Thị Minh Tâm	2010050018	20CĐĐH	780,000
67	Võ Thị Mỹ Tâm	2010050019	20CĐĐH	130,000
68	Lâm Ngọc Thùy	2010050024	20CĐĐH	390,000
69	Sử Thị Cẩm Tú	2010050028	20CĐĐH	520,000
70	Phạm Việt Hào	2010050034	20CĐĐH	390,000
71	Nguyễn Thị Hồng Cúc	2010060010	20CĐTT	222,000

Stt	Họ và tên	MSSV	Lớp	Số tiền chênh lệch
72	Nguyễn Phương Duy	2010060022	20CĐTT	666,000
73	Lê Thị Thu Hà	2010060026	20CĐTT	1,110,000
74	Trương Thanh Hoa	2010060034	20CĐTT	999,000
75	Phạm Thị Hợp	2010060035	20CĐTT	222,000
76	Nguyễn Thị Khánh Linh	2010060050	20CĐTT	555,000
77	Nguyễn Thị Hữu Lộc	2010060052	20CĐTT	666,000
78	Nguyễn Đình Luân	2010060053	20CĐTT	444,000
79	Nguyễn Thảo Ly	2010060056	20CĐTT	222,000
80	Lê Ngọc Nhật Minh	2010060059	20CĐTT	666,000
81	Danh Ngay	2010060062	20CĐTT	222,000
82	Đặng Vy Tâm	2010060089	20CĐTT	666,000
83	Hồ Quốc Tâm	2010060090	20CĐTT	1,110,000
84	Trần Thị Hoài Tâm	2010060091	20CĐTT	1,443,000
85	Quảng Ngọc Thắm	2010060093	20CĐTT	555,000
86	Nguyễn Phúc Hữu Thành	2010060094	20CĐTT	222,000
87	Nguyễn Thị Thu Thủy	2010060104	20CĐTT	444,000
88	Nguyễn Phạm Thùy Trang	2010060108	20CĐTT	777,000
89	Phan Thị Ái Vy	2010060121	20CĐTT	222,000
90	Nguyễn Việt Nam Anh	2010060127	20CĐTT	666,000
91	Ngô Bảo Hân	2010060131	20CĐTT	222,000
92	Nguyễn Ngọc Tuyết Nhi	2010060134	20CĐTT	1,665,000
93	Bùi Thị Yên Vy	2010060147	20CĐTT	1,887,000
94	Huỳnh Thị Tố Anh	2010070001	20CĐPR	333,000
95	Nguyễn Quang Dũng	2010070006	20CĐPR	1,110,000
96	Huỳnh Thị Cẩm Hằng	2010070009	20CĐPR	333,000
97	Thượng Hoàng Khang	2010070015	20CĐPR	888,000
98	Đinh Thị Kim Ngọc	2010070022	20CĐPR	555,000
99	Trần Ngọc Nhi	2010070054	20CĐPR	555,000
100	Huỳnh Bảo Trinh	2010070059	20CĐPR	777,000
101	Lê Hoàng Yên	2010070063	20CĐPR	999,000
102	Phạm Tăng Gia Trang	2010070064	20CĐPR	1,665,000
103	Lâm Tấn Đạt	2110010001	21CĐBC	1,635,000
104	Đỗ Thị Nhật Xuân	2110010002	21CĐBC	1,853,000
105	Nguyễn Thành Nhi	2110010004	21CĐBC	1,526,000
106	Lê Nguyễn Hương Giang	2110010005	21CĐBC	1,853,000
107	Nguyễn Hồng Ân	2110010009	21CĐBC	1,853,000
108	Nguyễn Thanh Điền	2110010010	21CĐBC	1,417,000
109	Nguyễn Thành An	2110010011	21CĐBC	1,853,000
110	Lê Thị Tú Anh	2110010012	21CĐBC	1,853,000
111	Mai Nguyên Anh	2110010013	21CĐBC	2,071,000
112	Nguyễn Thị Kim Anh	2110010014	21CĐBC	1,853,000

Stt	Họ và tên	MSSV	Lớp	Số tiền chênh lệch
113	Trần Thị Ngọc Ánh	2110010016	21CĐBC1	1,853,000
114	Nguyễn Vũ Bảo	2110010019	21CĐBC	1,853,000
115	Châu Thị Ngọc Bích	2110010020	21CĐBC	1,853,000
116	Dương Y Bình	2110010021	21CĐBC	1,853,000
117	Đỗ Thị Bích Đào	2110010023	21CĐBC	1,853,000
118	Phạm Nguyễn Tiến Đạt	2110010024	21CĐBC	1,853,000
119	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	2110010025	21CĐBC	1,853,000
120	Nguyễn Thị Hồng Diệu	2110010026	21CĐBC	1,853,000
121	Lê Đức	2110010027	21CĐBC	1,853,000
122	Nguyễn Thị Dung	2110010029	21CĐBC	2,071,000
123	Đinh Vũ Duy	2110010031	21CĐBC	1,635,000
124	Huỳnh Khánh Duy	2110010032	21CĐBC	1,853,000
125	Nguyễn Phúc Duy	2110010033	21CĐBC	2,071,000
126	Đặng Thùy Duyên	2110010034	21CĐBC	1,853,000
127	Nguyễn Thái Hải	2110010036	21CĐBC	2,834,000
128	Hồ Phúc Hậu	2110010038	21CĐBC	1,853,000
129	Trương Lan Hương	2110010041	21CĐBC	1,853,000
130	Văn Thị Thanh Huyền	2110010042	21CĐBC	1,853,000
131	Đặng Thị Ngọc Huyền	2110010043	21CĐBC	1,853,000
132	Phan Văn Kiệt	2110010044	21CĐBC	1,853,000
133	Tạ Huỳnh Anh Kiệt	2110010045	21CĐBC	1,853,000
134	Hoàng Hải Linh	2110010046	21CĐBC	1,853,000
135	Tống Thị Khánh Linh	2110010047	21CĐBC	1,853,000
136	Trần Thị Ngọc Linh	2110010048	21CĐBC	1,853,000
137	Đỗ Thị Diệu Linh	2110010049	21CĐBC	1,853,000
138	Huỳnh Mai Khánh Loan	2110010051	21CĐBC	1,853,000
139	Nguyễn Thị Cẩm Ly	2110010052	21CĐBC	1,853,000
140	Bùi Thị Huỳnh Mai	2110010053	21CĐBC	1,853,000
141	H Liên Mlo	2110010055	21CĐBC	1,853,000
142	Nguyễn Thị Diễm My	2110010056	21CĐBC	1,853,000
143	Vũ Hoàng Hải My	2110010057	21CĐBC	2,071,000
144	Dương Huệ Nghi	2110010058	21CĐBC	2,071,000
145	Cáp Thị Nhân Nghĩa	2110010059	21CĐBC	1,853,000
146	Lê Thị Phúc Nhi	2110010062	21CĐBC	1,635,000
147	Nguyễn Quỳnh Như	2110010064	21CĐBC	1,853,000
148	Lê Thị Nhung	2110010066	21CĐBC	1,853,000
149	Trần Hồng Nhung	2110010067	21CĐBC	2,071,000
150	Dương Bảo Ninh	2110010068	21CĐBC	1,853,000
151	Huỳnh Vĩnh Phong	2110010069	21CĐBC	1,853,000
152	Nguyễn Y Phụng	2110010070	21CĐBC	1,853,000
153	Ngô Anh Sang	2110010073	21CĐBC	1,853,000



Stt	Họ và tên	MSSV	Lớp	Số tiền chênh lệch
154	Lê Bá Quang Thắng	2110010075	21CĐBC	1,853,000
155	Nguyễn Thị Thu Thảo	2110010076	21CĐBC	1,853,000
156	Phạm Quốc Hưng Thịnh	2110010077	21CĐBC	1,853,000
157	Nguyễn Cao Minh Thư	2110010078	21CĐBC	1,853,000
158	Nguyễn Minh Thư	2110010079	21CĐBC	1,853,000
159	Lê Nguyễn Ngọc Thương	2110010080	21CĐBC	1,853,000
160	Huỳnh Thị Mộng Thúy	2110010081	21CĐBC	1,853,000
161	Lê Ngọc Anh Thy	2110010082	21CĐBC	1,853,000
162	Đặng Thị Bích Tiên	2110010084	21CĐBC	1,635,000
163	Nguyễn Thị Thanh Trà	2110010085	21CĐBC	1,853,000
164	Nguyễn Ngọc Bích Trâm	2110010086	21CĐBC	1,853,000
165	Nguyễn Thị Huyền Trâm	2110010087	21CĐBC	2,071,000
166	Lê Quốc Trâm	2110010088	21CĐBC	2,071,000
167	Nguyễn Thị Đoàn Trang	2110010089	21CĐBC	1,853,000
168	Trần Thu Trang	2110010090	21CĐBC	2,071,000
169	Huỳnh Minh Tuấn	2110010093	21CĐBC	2,071,000
170	Phạm Anh Tuấn	2110010094	21CĐBC	2,071,000
171	Hà Thị Kim Tuyến	2110010095	21CĐBC	1,853,000
172	Lê Thị Tuyết	2110010097	21CĐBC	1,853,000
173	Lê Thị Ánh Tuyết	2110010098	21CĐBC	1,853,000
174	Võ Ngọc Thùy Vân	2110010099	21CĐBC	1,090,000
175	Đinh Phạm Trúc Vi	2110010100	21CĐBC	1,853,000
176	Nguyễn Thị Tường Vi	2110010101	21CĐBC	1,853,000
177	Lê Long Vũ	2110010103	21CĐBC	2,071,000
178	Nguyễn Ngọc Vũ	2110010104	21CĐBC	1,853,000
179	Nguyễn Trần Thắng	2110010105	21CĐBC	1,853,000
180	Trần Thị Anh Thư	2110010106	21CĐBC	2,071,000
181	Nguyễn Thái Bảo Trân	2110010107	21CĐBC	2,834,000
182	Nguyễn Như Nguyễn	2110010110	21CĐBC	1,853,000
183	Nguyễn Thị Phương Thu	2110010113	21CĐBC	763,000
184	Bùi Tuấn Hưng	2110010116	21CĐBC	2,071,000
185	Hoàng Thị Ngọc Trâm	2110010118	21CĐBC	1,853,000
186	Nguyễn Thanh Phương Vinh	2110010119	21CĐBC	2,289,000
187	Nguyễn Quang Huy	2110010123	21CĐBC	2,616,000
188	Trang Sing Hi	2110010139	21CĐBC	1,635,000
189	Nông Văn Thực	2110040002	21CĐQP	1,300,000
190	Lữ Quốc An	2110040003	21CĐQP	1,300,000
191	Phạm Việt Anh	2110040004	21CĐQP	1,300,000
192	Nguyễn Kiên Cường	2110040005	21CĐQP	1,105,000
193	Võ Khánh Duy	2110040008	21CĐQP	1,495,000
194	Phùng Đức Hoàng	2110040010	21CĐQP	1,300,000

Stt	Họ và tên	MSSV	Lớp	Số tiền chênh lệch
195	Nguyễn Phát Huy	2110040012	21CĐQP	1,170,000
196	Nguyễn Văn Huy	2110040013	21CĐQP	1,300,000
197	Nguyễn Thiện Duy Khang	2110040014	21CĐQP	1,300,000
198	Trần Hoàng Phúc	2110040015	21CĐQP	1,300,000
199	Hồ Minh Quân	2110040016	21CĐQP	1,300,000
200	Lữ Nhật Quang	2110040017	21CĐQP	1,300,000
201	Phạm Vĩnh Sương	2110040018	21CĐQP	1,170,000
202	Võ Thanh Tâm	2110040019	21CĐQP	1,300,000
203	Nguyễn Duy Thống	2110040020	21CĐQP	1,300,000
204	Nguyễn Vũ Quan Tin	2110040021	21CĐQP	1,300,000
205	Trần Đặng Tiên Tuyền	2110040024	21CĐQP	1,300,000
206	Đặng Minh Hồng	2110040026	21CĐQP	780,000
207	Huỳnh Chí Kiên	2110040028	21CĐQP	1,495,000
208	Phạm Minh Thuận	2110040029	21CĐQP	1,300,000
209	Nguyễn Tân Quyền	2110040030	21CĐQP	585,000
210	Nguyễn Trọng Nghĩa	2110040031	21CĐQP	910,000
211	Lê Minh Văn	2110040032	21CĐQP	1,755,000
212	Văn Trung Tính	2110040035	21CĐQP	1,495,000
213	Võ Quốc Khánh	2110040036	21CĐQP	1,430,000
214	Lưu Tiến Đạt	2110040038	21CĐQP	1,430,000
215	Tăng Quốc Biều	2110050001	21CĐĐH	1,300,000
216	Phạm Quốc Hà	2110050002	21CĐĐH	910,000
217	Giang Anh Hải	2110050003	21CĐĐH	1,300,000
218	Nguyễn Hồng Hoàng Khang	2110050005	21CĐĐH	1,300,000
219	Hoàng Văn Minh	2110050007	21CĐĐH	1,430,000
220	Nguyễn Tuyết Nhi	2110050009	21CĐĐH	650,000
221	Nguyễn Trường Sinh	2110050011	21CĐĐH	390,000
222	Nguyễn Hoàng Thiên	2110050012	21CĐĐH	1,300,000
223	Lê Xuân Trang	2110050014	21CĐĐH	1,300,000
224	Trần Thanh Tú	2110050015	21CĐĐH	1,625,000
225	Đặng Ngọc Tuyên	2110050017	21CĐĐH	1,300,000
226	Nguyễn Phan Phương Uyên	2110050018	21CĐĐH	1,300,000
227	Đinh Quang Vũ	2110050020	21CĐĐH	1,170,000
228	Trương Ngọc Thắng	2110050022	21CĐĐH	1,430,000
229	Trịnh Nhật Minh	2110050024	21CĐĐH	1,300,000
230	Phạm Hương Giang	2110050029	21CĐĐH	1,885,000
231	Nguyễn Tuấn Lộc	2110050032	21CĐĐH	1,625,000
232	Nguyễn Hữu Đạt	2110060001	21CĐTT	999,000
233	Thị Ri Su Rinh	2110060002	21CĐTT	2,442,000
234	Trần Tuấn Anh	2110060004	21CĐTT	2,109,000
235	Trần Thị Thúy Diễm	2110060005	21CĐTT	2,442,000

Stt	Họ và tên	MSSV	Lớp	Số tiền chênh lệch
236	Lưu Gia Hân	2110060006	21CĐTT	1,998,000
237	Võ Thị Trà My	2110060007	21CĐTT	1,443,000
238	Nguyễn Thị Mỹ Linh	2110060008	21CĐTT	1,998,000
239	Nguyễn Chơn Thanh Hào	2110060009	21CĐTT	2,442,000
240	Nguyễn Thị Kim Ngân	2110060010	21CĐTT	2,442,000
241	Đặng Thùy Anh	2110060012	21CĐTT	2,442,000
242	Hoàng Trâm Anh	2110060013	21CĐTT	2,442,000
243	Lưu Mỹ Anh	2110060014	21CĐTT	2,442,000
244	Trần Văn Anh	2110060016	21CĐTT	1,443,000
245	Vũ Thị Kim Anh	2110060017	21CĐTT	2,442,000
246	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	2110060018	21CĐTT	2,442,000
247	Trịnh Đức Bình	2110060019	21CĐTT	2,775,000
248	Trần Ngọc Minh Châu	2110060020	21CĐTT	2,442,000
249	Hồ Thanh Chi	2110060021	21CĐTT	2,442,000
250	Trần Trung Đại	2110060022	21CĐTT	2,442,000
251	Bùi Ngọc Thùy Dung	2110060023	21CĐTT	2,442,000
252	Trần Mỹ Duyên	2110060024	21CĐTT	2,664,000
253	Trương Thị Mỹ Duyên	2110060025	21CĐTT	1,998,000
254	Nguyễn Quỳnh Giang	2110060027	21CĐTT	2,997,000
255	Bùi Ngọc Giàu	2110060028	21CĐTT	2,442,000
256	Lâm Gia Hân	2110060029	21CĐTT	2,442,000
257	Lâm Thị Mỹ Hiền	2110060030	21CĐTT	1,554,000
258	Ngô Công Hiếu	2110060031	21CĐTT	2,442,000
259	Trần Thị Hiếu	2110060032	21CĐTT	1,665,000
260	Phùng Lê Ánh Hồng	2110060033	21CĐTT	2,442,000
261	Nguyễn Văn Việt Hùng	2110060034	21CĐTT	2,442,000
262	Đào Xuân Hưng	2110060035	21CĐTT	2,442,000
263	Trần Gia Hưng	2110060036	21CĐTT	2,442,000
264	Tài Nữ Thiên Hương	2110060038	21CĐTT	2,442,000
265	Nguyễn Quang Huy	2110060039	21CĐTT	2,442,000
266	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	2110060042	21CĐTT	2,442,000
267	La Hoàng Khải	2110060044	21CĐTT	1,887,000
268	Phạm Quang Khải	2110060045	21CĐTT	2,442,000
269	Trần Minh Khải	2110060046	21CĐTT	2,442,000
270	Nguyễn Trung Kiên	2110060047	21CĐTT	2,442,000
271	Huỳnh Thị Thúy Kiều	2110060048	21CĐTT	2,442,000
272	Nguyễn Thị Thúy Kiều	2110060049	21CĐTT	2,442,000
273	Nguyễn Đặng Bạch Kim	2110060051	21CĐTT	2,442,000
274	Nguyễn Hoàng Lam	2110060052	21CĐTT	2,442,000
275	Nguyễn Phạm Tuyết Lam	2110060053	21CĐTT	2,442,000
276	Trần Thục Liên	2110060054	21CĐTT	2,442,000

Stt	Họ và tên	MSSV	Lớp	Số tiền chênh lệch
277	Sang Thi Si Line	2110060055	21CĐTT	2,442,000
278	Đinh Hoàng Linh	2110060056	21CĐTT	2,664,000
279	Đinh Ngọc Phương Linh	2110060057	21CĐTT	2,442,000
280	Hồ Nguyễn Thùy Linh	2110060059	21CĐTT	1,443,000
281	Phạm Thị Mai Linh	2110060060	21CĐTT	2,442,000
282	Trần Thị Hoài Linh	2110060061	21CĐTT	2,442,000
283	Nguyễn Hồng Lĩnh	2110060062	21CĐTT	2,442,000
284	Lê Hoàng Long	2110060063	21CĐTT	2,442,000
285	Nguyễn Xuân Mai	2110060064	21CĐTT	2,442,000
286	Châu Huệ Mẫn	2110060065	21CĐTT	2,442,000
287	Nguyễn Thanh Ngọc Mẫn	2110060066	21CĐTT	1,998,000
288	Nguyễn Na	2110060067	21CĐTT	2,997,000
289	Nguyễn Hoàng Nam	2110060068	21CĐTT	2,442,000
290	Nguyễn Lâm Kỳ Ngân	2110060069	21CĐTT	2,442,000
291	Nguyễn Thị Phượng Ngân	2110060070	21CĐTT	2,442,000
292	Phòng Nguyễn Tố Ngân	2110060071	21CĐTT	2,442,000
293	Huỳnh Thị Mỹ Ngọc	2110060072	21CĐTT	2,442,000
294	Nguyễn Trần Gia Ngọc	2110060075	21CĐTT	2,442,000
295	Phạm Chí Nguyên	2110060076	21CĐTT	2,442,000
296	Bùi Thiện Nhân	2110060077	21CĐTT	2,442,000
297	Liên Kim Nhi	2110060080	21CĐTT	2,442,000
298	Trần Ngọc Yến Nhi	2110060081	21CĐTT	2,442,000
299	Hồ Nguyễn Tố Như	2110060082	21CĐTT	2,442,000
300	Trần Hồ Quỳnh Như	2110060083	21CĐTT	2,775,000
301	Lê Quỳnh Như	2110060084	21CĐTT	2,442,000
302	Võ Thị Huỳnh Như	2110060086	21CĐTT	2,442,000
303	Phạm Thị Hồng Phấn	2110060087	21CĐTT	2,442,000
304	Trần Hoàng Phong	2110060088	21CĐTT	2,442,000
305	Nguyễn Phú	2110060089	21CĐTT	2,442,000
306	Nguyễn Thị Kim Phụng	2110060090	21CĐTT	2,442,000
307	Trần Hữu Phước	2110060092	21CĐTT	2,664,000
308	Bùi Nguyễn Diễm Phượng	2110060094	21CĐTT	2,442,000
309	Nguyễn Thị Thái Phượng	2110060095	21CĐTT	2,442,000
310	Phạm Hồng Xuân Quyên	2110060097	21CĐTT	2,442,000
311	Châu Thị Diễm Quỳnh	2110060098	21CĐTT	2,442,000
312	Huỳnh Thị Như Quỳnh	2110060099	21CĐTT	2,442,000
313	Lê Dương Diễm Quỳnh	2110060100	21CĐTT	2,442,000
314	Lê Thị Hồng Thắm	2110060103	21CĐTT	2,442,000
315	Trương Thái Thiên	2110060108	21CĐTT	2,442,000
316	Phạm Hưng Thịnh	2110060109	21CĐTT	2,442,000
317	Triệu Tấn Thịnh	2110060110	21CĐTT	2,442,000

Stt	Họ và tên	MSSV	Lớp	Số tiền chênh lệch
318	Đoàn Vĩnh Thọ	2110060111	21CĐTT	2,442,000
319	Huỳnh Phạm Minh Thư	2110060113	21CĐTT	2,442,000
320	Lê Thị Anh Thư	2110060114	21CĐTT	2,664,000
321	Nguyễn Anh Thư	2110060115	21CĐTT	2,442,000
322	Vương Khánh Thư	2110060116	21CĐTT	2,775,000
323	Đặng Hoài Thương	2110060117	21CĐTT	2,442,000
324	Trần Thị Thanh Thuý	2110060119	21CĐTT	2,775,000
325	Nguyễn Ngọc Thụy	2110060120	21CĐTT	2,442,000
326	Nguyễn Thị Thủy Tiên	2110060121	21CĐTT	2,664,000
327	Trần Trung Tính	2110060122	21CĐTT	2,442,000
328	Cao Bảo Tôn	2110060123	21CĐTT	2,442,000
329	Đặng Thùy Trâm	2110060124	21CĐTT	2,442,000
330	Nguyễn Ngọc Bích Trâm	2110060125	21CĐTT	2,664,000
331	Huỳnh Thị Kiều Trinh	2110060127	21CĐTT	2,442,000
332	Liên Ngọc Trinh	2110060128	21CĐTT	2,997,000
333	Nguyễn Thị Thanh Trúc	2110060129	21CĐTT	2,442,000
334	Trần Thị Ngọc Tuyền	2110060130	21CĐTT	2,442,000
335	Võ Nguyễn Phương Tuyền	2110060131	21CĐTT	2,775,000
336	Lê Thị Ánh Tuyết	2110060132	21CĐTT	2,442,000
337	Lou Vĩnh Tuyết	2110060133	21CĐTT	2,442,000
338	Nguyễn Thị Nhật Uyên	2110060134	21CĐTT	2,442,000
339	Nguyễn Tường Vân	2110060135	21CĐTT	2,442,000
340	Lê Huyền Vi	2110060136	21CĐTT	2,442,000
341	Nguyễn Ngọc Tường Vi	2110060137	21CĐTT	2,442,000
342	Nguyễn Thị Tường Vi	2110060138	21CĐTT	2,442,000
343	Nguyễn Ngọc Hương Vy	2110060140	21CĐTT	2,442,000
344	Sỹ Ngọc Phương Vy	2110060142	21CĐTT	2,442,000
345	Trần Thị Tường Vy	2110060144	21CĐTT	2,442,000
346	Trần Vĩnh Xuân Vy	2110060145	21CĐTT	2,442,000
347	Dương Thị Như Ý	2110060146	21CĐTT	2,442,000
348	Nguyễn Thị Như Ý	2110060147	21CĐTT	2,442,000
349	Trương Thị Thiên Ý	2110060148	21CĐTT	2,442,000
350	Trần Văn Yên	2110060149	21CĐTT	2,442,000
351	Trịnh Thị Nga	2110060151	21CĐTT	2,997,000
352	Huỳnh My	2110060153	21CĐTT	2,331,000
353	Nguyễn Chí Cường	2110060154	21CĐTT	2,442,000
354	Trần Thanh Toàn	2110060156	21CĐTT	2,664,000
355	Phạm Như Quỳnh	2110060158	21CĐTT	2,442,000
356	Phạm Thị Linh Nhi	2110060161	21CĐTT	1,767,000
357	Trần Hồng Mỹ Lan	2110060162	21CĐTT	2,442,000
358	Nguyễn Hoàng Anh Thư	2110060163	21CĐTT	2,775,000

VIỆT
H
NAM

NƠI
TRƯỚC
CAO Đ
PHÁT T
TRUYỀN
I

Stt	Họ và tên	MSSV	Lớp	Số tiền chênh lệch
359	Võ Hoàng Ân	2110070001	21CĐPR	2,220,000
360	Nguyễn Thị Trúc Quỳnh	2110070002	21CĐPR	2,442,000
361	Bùi Thị Kiều Vang	2110070003	21CĐPR	1,887,000
362	Nguyễn Hoàng Kha	2110070004	21CĐPR	1,998,000
363	Nguyễn Vũ Phương Quỳnh	2110070005	21CĐPR	2,886,000
364	Huỳnh Thị Hồng Anh	2110070007	21CĐPR	2,220,000
365	Nguyễn Đoàn Thảo Anh	2110070008	21CĐPR	2,220,000
366	Trịnh Thị Ngọc Anh	2110070009	21CĐPR	2,220,000
367	Phạm Thị Hồng Cẩm	2110070010	21CĐPR	2,442,000
368	Nguyễn Ngọc Đức	2110070011	21CĐPR	2,220,000
369	Dương Thành Duy	2110070012	21CĐPR	2,220,000
370	Trương Võ Kỳ Duyên	2110070014	21CĐPR	2,220,000
371	Lưu Thị Bảo Hân	2110070015	21CĐPR	2,220,000
372	Lê Phú Hiền	2110070017	21CĐPR	2,220,000
373	Phạm Thanh Hoài	2110070018	21CĐPR	1,665,000
374	Chu Khánh Huyền	2110070020	21CĐPR	2,220,000
375	Trần Quốc Kiệt	2110070022	21CĐPR	2,220,000
376	Đoàn Trúc Linh	2110070023	21CĐPR	2,220,000
377	Nguyễn Trúc Linh	2110070024	21CĐPR	2,220,000
378	Phạm Ngô Khánh Linh	2110070025	21CĐPR	2,775,000
379	Lê Thị Ngọc Loan	2110070026	21CĐPR	2,220,000
380	Nguyễn Thị Cẩm Ly	2110070027	21CĐPR	2,220,000
381	Nguyễn Thanh Nhân	2110070029	21CĐPR	2,220,000
382	Nguyễn Thiện Nhân	2110070030	21CĐPR	1,998,000
383	Hoàng Ngọc Thảo Nhi	2110070031	21CĐPR	1,665,000
384	Trà Minh Phương Nhi	2110070032	21CĐPR	2,220,000
385	Đoàn Ngọc Tâm Như	2110070033	21CĐPR	2,442,000
386	Vũ Minh Như	2110070034	21CĐPR	2,664,000
387	Lê Hoàng Oanh Oanh	2110070036	21CĐPR	2,220,000
388	Đồng Phúc Quỳnh	2110070038	21CĐPR	1,887,000
389	Mai Xuân Sơn	2110070039	21CĐPR	2,220,000
390	Nguyễn Ngọc Thắm	2110070040	21CĐPR	2,220,000
391	Nguyễn Thị Kim Thoa	2110070042	21CĐPR	27,000
392	Hà Thị Thanh Thư	2110070043	21CĐPR	2,220,000
393	Đoàn Ngọc Đan Thuyền	2110070044	21CĐPR	2,997,000
394	Nguyễn Phạm Anh Thy	2110070045	21CĐPR	2,553,000
395	Nguyễn Trần Bảo Trâm	2110070046	21CĐPR	2,553,000
396	Nguyễn Ngọc Trân	2110070047	21CĐPR	2,220,000
397	Nguyễn Thị Thùy Trang	2110070048	21CĐPR	2,553,000
398	Tăng Thị Thu Trang	2110070049	21CĐPR	2,442,000
399	Trần Thị Tuyết Trinh	2110070050	21CĐPR	1,665,000

Stt	Họ và tên	MSSV	Lớp	Số tiền chênh lệch
400	Dương Thị Thanh Trúc	2110070051	21CDPR	1,665,000
401	Châu Văn Tuệ	2110070053	21CDPR	2,442,000
402	Lê Hồng Uyên	2110070054	21CDPR	2,220,000
403	Mai Phương Uyên	2110070055	21CDPR	2,553,000
404	Trần Khả Vy	2110070057	21CDPR	2,442,000
405	Nguyễn Võ Anh Hào	2110070058	21CDPR	2,220,000
406	Phạm Ngọc Thiên Hương	2110070059	21CDPR	2,442,000
407	Phạm Thị Mỹ Kiều	2110070060	21CDPR	2,442,000
408	Nguyễn Thị Diễm Thảo	2110070061	21CDPR	2,442,000
409	Trần Thị Thùy Trang	2110070064	21CDPR	3,219,000
410	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	2110070068	21CDPR	2,442,000
411	Lê Diệp Nữ Vy	2110070071	21CDPR	2,220,000
412	Nguyễn Phạm Sao Mai	2110070075	21CDPR	2,220,000
TỔNG CỘNG				709.515.000
Bằng chữ: Bảy trăm lẻ chín triệu năm trăm mười lăm ngàn đồng chẵn.				

Danh sách có 412 sinh viên./.

